



NATIONAL OFFICE

MIGRATION AND REFUGEE SERVICES

1512 MASSACHUSETTS AVENUE, N.W. • WASHINGTON, D.C. 20005

202/686-6623

Telex: 710 822 1164 ATTN: MRS

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

Applicant in Vietnam NGO NGOC THACH
Last Middle First

Current Address 183/85 Nguyen van Cu - Phuong 2, Q5 Ho Chi Minh City

Date of Birth Nov 1, 1943 Place of Birth Long Hing (My Tho)

Names of Accompanying Relatives/Dependents

wife : Huynh Thi Nam

son : Ngô Ngọc Hoàng Bảo

Time Spent in a Re-education Camp: Dates: From June 14, 1975 To January 14, 1982

Names of Relatives/Acquaintances in the U.S.

<u>NAME</u>	<u>RELATIONSHIP</u>	<u>NAME</u>	<u>RELATIONSHIP</u>
<u>Huynh Kim Chi</u>	<u>friend</u>		

Form Completed By: FAMILIES OF VIETNAMESE
POLITICAL PRISONERS ASSOC
P.O. BOX 5435
ARLINGTON, VA 22205-0635

Name

Address

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

USCC Form D
(12-8084)

584. 20/1/82

BỘ NỘI VỤ
Trại cải tạo số 5

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số : 0046 HS
(78)

THÀNH PHỐ	HỒ CHÍ MINH
BAN QUẢN LÝ NGƯỜI HTCT ĐƯỢC VỀ	
ĐÃ TRINH DIỆN NGÀY	10 tháng 1 năm 1982
Quản Chế	

GRẤY RA TRẠI

Thị hành quyết diên tại số 136 ngày 10/1/82
1981 Cục Bộ nội vụ

Nay cấp giấy thả cho anh :

Họ và tên : Ngô Ngọc Thạch . Sinh năm : 1943
 Bị danh : Lạm dụng
 Sinh quán : Chấn tách, Mỹ Tho
 Trú quán : 338 /540 Đường An Dương vương, P24.
 Q.5 .TP Hồ Chí Minh .
 Căn tội : Trùng uý nguy hại đến an ninh
 Bắt ngày : 14/6/75 . án phạt : TTCT , theo
 quyết định của Bộ nội vụ .

Nay và cư trú tại : 338/540 Đường An dương
Vương, P24.Q.5.TP Hồ Chí Minh .

Nhà xét quá trình cải tạo :

Trong thời gian cải tạo ở trại anh Thạch
đã thấy được từ lỗi của bản thân, chịu sự
tổ chức của đảng, chấp hành nội quy chưa
sai phạm gì nữa./.

Lưu tay ngắn trở phải . Họ, tên, chữ ký .

Ngày 14 tháng 1 năm 1982

Ngô Ngọc Thạch . Nơi cấp giấy
ban hành

1 : NV 15

[Signature]



Ngô Ngọc Thạch . Thiệu tá : Đô - Năm .

ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

MJ số HT12/P3

Xã, Phường

Huyện, Quận

Tỉnh, Thành phố

QĐ số

Ngày

Số 50-24

Quyển số 01

GIẤY CÔNG NHẬN KẾT HÔN

CHỒNG

VỢ

Họ và tên Ngô Ngọc Thạch

Nguyễn Thị Năm

Bí danh

Sinh ngày tháng 01.11.1943

01.09.1950

năm hay tuổi

Dân tộc

Quốc tịch

Nghề nghiệp

Nơi đăng ký

nhân khẩu

thường trú

Số giấy chứng minh nhân dân:

hoặc hộ chiếu

Đăng ký ngày 25 tháng 10 năm 1982

Người chồng ký

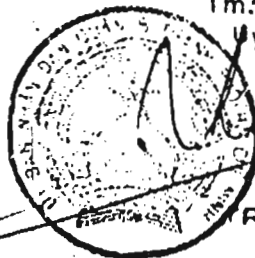
Người vợ ký

TM. U.B.N.D.

Quận 5

Im. U.B.N.D./Quận 5

Ủy viên Thư Ký



TRẦN THÀNH SỰ

Ngô Ngọc Thạch Nguyễn Thị Năm

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
République du Viêt-Nam

BỘ TƯ-PHÁP
Département de la Justice

SỞ TƯ-PHÁP NAM-PHẦN
Service Judiciaire du Sud-Vietnam

PHÒNG LỤC-SỰ TÒA ĐÌNH TƯỚNG

(GREFFE DU TRIBUNAL DE

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH làng Long Hưng (MYTHO)
(Extrait du registre des actes de naissance)

(NAM-PHẦN)
(Sud-Vietnam)

NĂM 1943
(Année)

SỐ HIỆU 104
(Acte No)

Tên, họ đứa con nít. (Nom et prénom de l'enfant)	Ngô Ngọc Thạch
Nam, nữ. (Sexe de l'enfant)	Con trai
Sinh ngày nào. (Date de naissance)	Le 1er Novembre 1943
Sinh tại chỗ nào. (Lieu de naissance)	Long Hưng
Tên, họ cha. (Nom et prénom du père)	Ngô Ngọc Phú
Cha làm nghề gì. (Sa profession)	Làm ruộng
Nhà cửa ở đâu. (Son domicile)	Long Hưng
Tên, họ mẹ. (Nom et prénom de la mère)	Nguyễn Thị Là
Mẹ làm nghề gì. (Sa profession)	Làm ruộng
Nhà cửa ở đâu. (Son domicile)	Long Hưng
Vợ chánh hay vợ thứ. (Son rang de femme mariée)	Vợ chánh

Chúng tôi, BÙU NGHỊ
(Nous)

Chánh-án Tòa ĐÌNH TƯỚNG
(Président du Tribunal)

chứng cho hợp-pháp chữ ký tên của
(Certifions l'authenticité de la signature de)

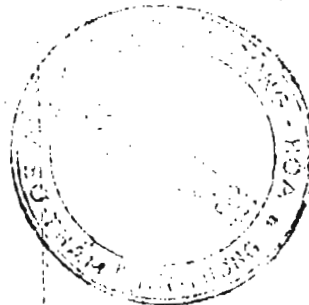
Ông Lê Văn Cảnh
(M.)

Chánh-Lục-Sự Tòa-án sở tại.
(Greffier en chef dudit tribunal.)

MYTHO, ngày 4/4/1964
CHÁNH ÁN,
(LE PRÉSIDENT.)

Trích y bản chánh,
(Pour extrait conforme)

MYTHO, ngày 4/4/1964
CHÁNH LỤC-SỰ,
(LE GREFFIER EN CHEF.)



Giá tiền
(Coût)
Biên-lai số
(Quittance n°)

Trại Thủ Đức

Số: **142**

GIẤY RA TRẠI

Căn cứ chỉ thị số 316/TTg ngày 22-08-1977 của Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về chính sách đối với binh sĩ, nhân viên các cơ quan chính quyền của chế độ cũ và đảng phái phản động hiện đang bị tập trung cải tạo.

Căn cứ thông tư Liên Bộ Quốc phòng - Nội vụ số _____ ngày _____ về việc thực hiện chỉ thị số 316/TTg ngày 22-08-1977 của Thủ tướng Chính phủ.

Thi hành quyết định số **112** ngày **22-12-1977** của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

CẤP GIẤY RA TRẠI

Họ và tên: **Huỳnh Thị Năm**
Ngày, tháng, năm sinh: **1950**
Quê quán: **Bến tre**
Trú quán: **268/4 ấp Cầu hoà, Mỹ thành, Bến tre.**
Số lính, cấp bậc, chức vụ trong bộ máy chính quyền, quân sự và các tổ chức chính trị, phản động của chế độ cũ: **Lăn tay sai chỗ Mỹ nguy.**

- Khi về, phải trực tiếp trình ngay giấy này với Ủy Ban Nhân dân và công an xã, Phường: **Số: 268/4 ấp cầu hoà.** thuộc Huyện,

Quận: **Mỹ thành** Tỉnh, Thành phố: **Bến tre.**

và phải tuân theo các quy định của Ủy Ban Nhân dân Tỉnh, Thành phố về việc quản chế, về nơi cư trú và các mặt quản lý khác:

- Thời hạn quản chế: **Sáu tháng**

- Thời hạn đi đường: **06** ngày (kể từ ngày ký giấy ra trại).

- Tiền và lương thực đi đường đã cấp: _____

Lăn tay ngón trở phải

Của: Huỳnh Thị Năm

Danh bản số

Lập tại:

Người được cấp
giấy ký

NZim
Huỳnh Thị Năm

Ngày **28** tháng **11** năm 1978

GIÁM THỊ TRẠI

Thiếu Tá: Đoàn Mạch

Mẫu HT3/P3

Xã, Thị trấn _____

Thị xã, Quận 05

Thành phố, Tỉnh Đà Nẵng

BẢN SAO
GIẤY KHAI SINH

Sg 50 / P.21.

Quyền số 01

[illegible]

Họ và tên	NGO - NGOC - HOANG - ANH .		Nam, nữ	NAM
Sinh ngày tháng, năm	Với bảy tháng tuổi một năm một chín tám tư. (17-11-1984)			
Nơi sinh	284 Ông Quỳnh Quận I.			
Khai về cha, mẹ	CHA		MẸ	
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	NGO - NGOC THACH 1930		Huỳnh Thị Hạng 1930	
Dân tộc	Kinh			
Quốc tịch	VIỆT		LUAU .	
Nghề nghiệp	Tạo viên		Thợ may	
Nơi ĐKNK thường trú	Tôn trấn 300 SA C . An Diên Vương		Tôn trấn 183/85 H Vân Cù .	
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	NGO HOANG KHI . 1958 . 45 Lầu I Hải Thương Lớn Ông . 6/5 .			

NHẬN THỨC ĐẠO Y BẢN CHÍNH

Nebraska 1945

TM/UBND _____ ký tên đóng dấu

Đăng ký ngày 01 tháng 09 năm 1985
(Ký tên, đóng dấu ghi rõ chức vụ)

CHIEF/ HONG KONG .DA KY

ONG-HÒA

V-HÒA

nh

Trôn

HỘ - TỊCH VIỆT - NAM

TRÍCH LỤC BỘ KHAI SANH

Năm, 1950

Số hiệu, 127

Tên, họ fu nhĩ	HUYNH-THỊ-NAM
Phái	NỮ
Sinh ngày	Sinh 1 ^o 2 ^o Septembre 1950
Nơi sinh	Mỹ-Thạnh, Bảo-Thành.
Tên, họ cha	Huỳnh-Văn-Ngươn
Nghề nghiệp	Làm-ruộng
Cư ở tại	Mỹ-Thạnh, Bảo-Thành.
Tên, họ mẹ	Lê-Thị-Khéo
Nghề nghiệp	Nội-trợ
Cư ngụ tại	Mỹ-Thạnh, Bảo-Thành.
Vợ chánh hay vợ thứ	Vợ-chánh

SAO Y BỘ CHÁNH

Mỹ-Thạnh, ngày 30 tháng 7 năm 1970

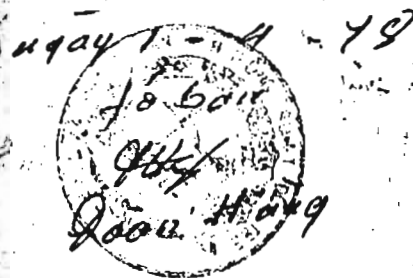
UY VIÊN HỘ TỊCH



Võ-Thạnh-Thảo

THÂN-THÀNH-LIÊM

Xác nhận V.C. Du xuân phong
Đường si có đến tỉnh tại xư
ngày 02. 02. 78.



Có tỉnh cho Bấy
Vay như có an gập đó

H. H. H. H.

Thy nữ có Bấy

PHIẾU KIỂM SOÁT

- Họ và tên:

- ☒ Card
- ☐ Thẻ, bỏ túi, cầm tay
- ☒ Giấy ra trại
- ☐ Cấp bằng, huy chương
- ☐ Hồ sơ đầy đủ (Thẻ du lịch hồ sơ)
- ☐ Computer

- Các thủ khác :

- ☒ Mẫu D
 - ☒ ODP list
 - ☒ Labels
 - ☒ Folder
 - ☐ Hồ sơ cần xerox
 - ☐ Hồ sơ đã chuyển ODP
- Ngày 12/28/86